

# MS. CHI ENGLISH

Name: \_\_\_\_\_

Date: .../.../2022

Class: L3

Tel: 038 255 2594

## GLOBAL STAGE 3

### UNIT 5: MAKE SOME NOISE – GRAMMAR 1

#### A. GRAMMAR

**Future plans: “going to” - statement** (Cấu trúc Going to – dạng câu kể)

##### 1. Cách dùng

- Dùng để mô tả ý định, kế hoạch trong tương lai.
- Dùng để dự báo về tương lai gần dựa trên những dấu hiệu, bằng chứng ở hiện tại.

##### 2. Cấu trúc

|     |                                        |
|-----|----------------------------------------|
| (+) | S + am/is/are + going to + Vinf.       |
| (-) | S + am/is/are + not + going to + Vinf. |

**VD:** - I am going to swim at the beach this summer.

(Tôi định đi bơi ở bãi biển vào mùa hè này.)

- He is not going to travel around the world by plane.

(Cậu ấy không định đi vòng quanh thế giới bằng máy bay.)

##### Ghi chú:

1. S= Subject (Chủ ngữ); Vinf (Động từ nguyên mẫu)
2. I + am; He/She/It/Chủ ngữ số ít + is; You/We/They/Chủ ngữ số nhiều + are

#### B. HOMEWORK

**I. Fill in the blanks using “going to”. (Điền vào chỗ trống với cấu trúc “going to”)**

0. I am going to eat a banana. (eat)

1. He \_\_\_\_\_ a car. (not / buy)

2. Cows \_\_\_\_\_ the green grass. (eat)

3. They \_\_\_\_\_ out for a walk. (go)

4. It \_\_\_\_\_. (rain)

5. You \_\_\_\_\_ a horse. (not / ride)

II. Choose the correct answer with "going to". (Chọn đáp án đúng với cấu trúc "going to")

0. We (helps / are going to help / am going to help) you.
1. I (am going wear / will wears / am going to wear) blue shoes tonight.
2. She (is buy / is going to buy / is going buy) a lot of things for the party.
3. They (are not going to walk / are not going to walks / is not going to walk) to the bus station.
4. I (am going to have / am going to having / am going have) a good time tonight.
5. My sister (are not going to stay / am not going to stay / is not going to stay) at home tonight.

III. Find, circle and correct the mistake in each sentence. (Tìm lỗi sai, khoanh tròn nó và viết lại từ đúng)

0. My brother is going tidy his room tomorrow.

A (B)

C

→ going to

1. It is very cloudy. It is go to rain.

A

B

C

→ \_\_\_\_\_

2. Ms. Jenny is going for visit the zoo.

A

B

C

→ \_\_\_\_\_

3. Mark and Linda is going to buy some rice, coffee and beef.

A

B

C

→ \_\_\_\_\_

4. I am going to not play soccer this afternoon.

A

B

C

→ \_\_\_\_\_

5. My father is not go to do the housework this weekend.

A

B

C

→ \_\_\_\_\_

**IV. Re-write these sentences in negative form of “going to”. (Viết lại các câu sau theo thể phủ định của cấu trúc “going to”)**

0. She is going to see a doctor.

→ **She is not going to see a doctor.**

1. They are going to buy a house.

→ \_\_\_\_\_.

2. I am going to read books.

→ \_\_\_\_\_.

3. Linda is going to sing a song.

→ \_\_\_\_\_.

4. Jack and Bill are going to go to the beach.

→ \_\_\_\_\_.

5. Tom is going to take a photo.

→ \_\_\_\_\_.

**V. Write full sentences using “going to”. (Viết câu hoàn chỉnh sử dụng cấu trúc “going to”)**

0. He / a car. / buy / going / is / to

→ **He is going to buy a car.**

1. paint / are / to / the house. / going / They

\_\_\_\_\_.

2. to / sleep. / not / We / going / are

\_\_\_\_\_.

3. play / going to / Jessica and Laura / the piano. / are

\_\_\_\_\_.

4. She / have / to / not / a bath. / going / is

\_\_\_\_\_.

## Part 2

– 6 questions –

Movers 2 – Test 1 – Part 2

Read the text and choose the best answer.



### Example

Jim:

Hi, Vicky! Is that your new comic?

Vicky:

- A It's OK.
- ☒ B Yes, it is.
- C It is mine.

### Questions

1 Jim:

What are you reading about?

Vicky:

- A I'm good at drawing.
- B What's the matter?
- C An old pirate ship.



- 2 **Jim:** Which is the best part of your comic?
- Vicky:**
- A This page. Look!
- B Come on! Here.
- C Let's go! Quick!
- 3 **Jim:** Which day do you get your comic?
- Vicky:**
- A In the afternoon.
- B Every Wednesday.
- C Not this week.
- 4 **Jim:** Does your dad buy your comic for you?
- Vicky:**
- A Yes. So do I, Jim.
- B They're my mother's.
- C I ask my uncle to get it.
- 5 **Jim:** I really like comics.
- Vicky:**
- A Well, you can read this, too.
- B Because I'm on this page.
- C I'm sorry. I don't know.
- 6 **Jim:** Can you give me your comic now?
- Vicky:**
- A Me too! Goodbye!
- B All right! Here you are.
- C No thank you, Jim!

Con làm bài nghe theo link sau (từ 0p45 đến 5p25): <https://www.youtube.com/watch?v=2X7SUiey770>

## Part 1

– 5 questions –

Movers 2 – Test 2 – Part 1

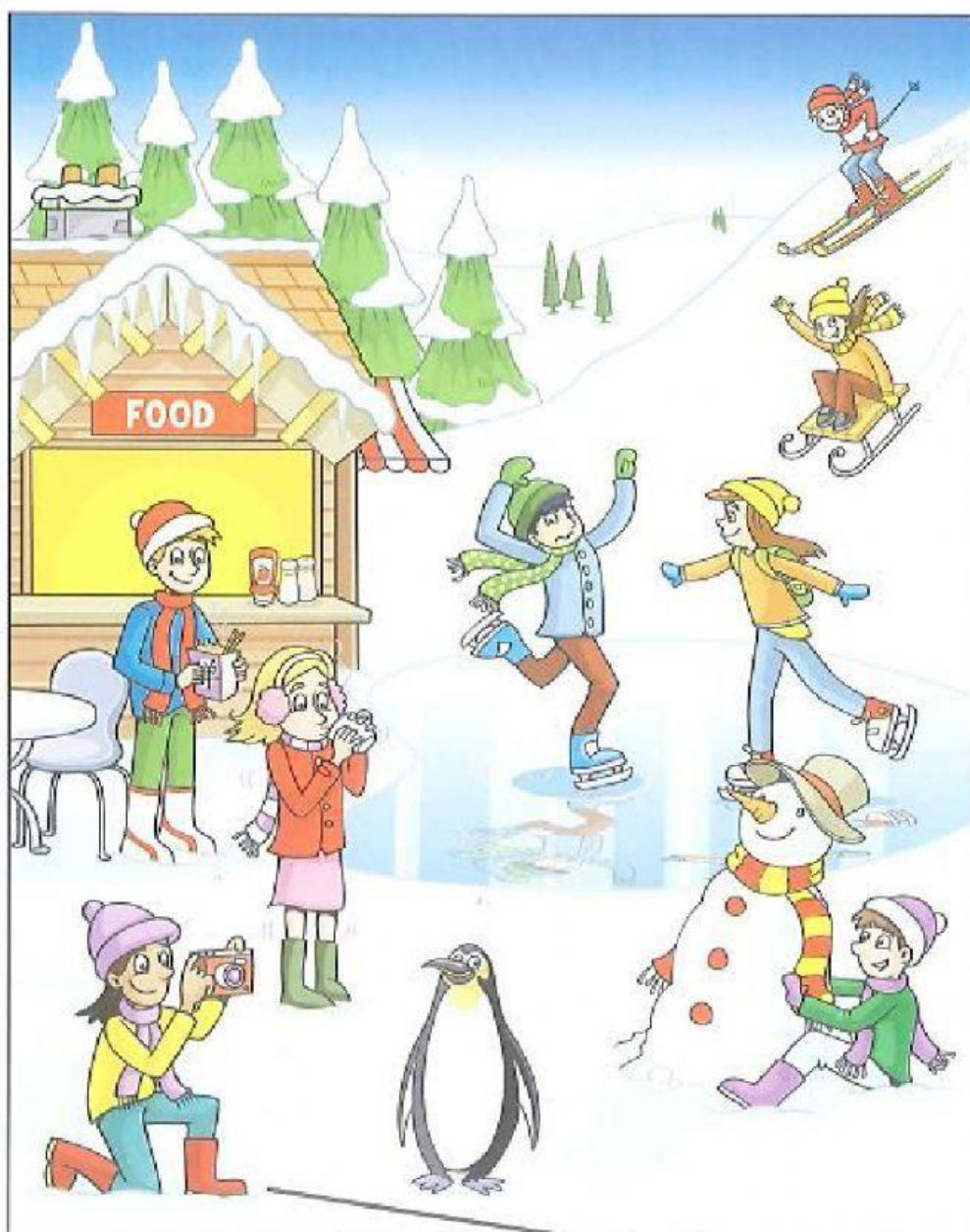
Listen and draw lines. There is one example.

Zoe

Paul

Clare

Jim



Charlie

Daisy

Julia